

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025
của Sở Xây dựng**

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 4668/QĐ-UBND ngày 09/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 cho các cấp, các ngành, các đơn vị; Thông báo số 935/TB-STC ngày 24/12/2024 của Sở Tài chính về dự toán thu, chi ngân sách năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1051/QĐ-SXD ngày 31/12/2024 của Sở Xây dựng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025.

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 của Sở Xây dựng (theo biểu đính kèm).

Hình thức công khai: trên Cổng thông tin điện tử của Sở Xây dựng Hải Phòng

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng thuộc Sở, Kế toán Sở và các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: 

- GD, các PGD;
- Như Điều 3;
- Công TTĐT Sở;
- Lưu: KT, VT. 



 **GIÁM ĐỐC**


Nguyễn Thành Hưng



Đơn vị: Sở Xây dựng Hải Phòng

Mã quan hệ ngân sách: 1048833

Chương: 419

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số **12** /QĐ-SXD ngày **20**/ 01 /2025 của Giám đốc
Sở Xây dựng)

Đvt: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO
A	Dự toán chi ngân sách nhà nước	369.770
I	Chi hoạt động cơ quan	17.206 ✓
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	12.714 ✓
<i>1.1</i>	<i>Kinh phí theo định mức thường xuyên</i>	<i>8.930</i> ✓
<i>1.2</i>	<i>Kinh phí tăng lương cơ sở</i>	<i>3.784</i> ✓
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4.492 ✓
<i>2.1</i>	<i>Kinh phí chuyên môn nghiệp vụ</i>	<i>3.846</i> ✓
<i>2.2</i>	<i>Kinh phí thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP</i>	<i>646</i> ✓
II	Chi sự nghiệp kinh tế	327.864 ✓
III	Chi bảo vệ môi trường	24.700 ✓



u